

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Dự toán ngân sách năm 2025
(Dự toán đã được HĐND xã quyết định)

Hôm nay, vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại UBND xã Đồng Tiến, tỉnh Hà Tĩnh. Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN UBND XÃ ĐỒNG TIẾN:

- | | |
|--------------------------|---------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Huyền | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Trương Thị Vinh | Chức vụ: PT kế toán NS |

II. ĐẠI DIỆN UBND TTQ XÃ:

- | | |
|-------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông: Trần Trọng Dũng | Chức vụ: Chủ tịch UBND TTQ xã |
|-------------------------|-------------------------------|

NỘI DUNG

Tiến hành niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2025. (Dự toán đã được HĐND xã quyết định)

Thời gian niêm yết 30 ngày: Bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở UBND xã Đồng Tiến.

Thời gian kết thúc niêm yết ngày 22/10/2025

Biên bản này được lập thành 02 bản: 01 bản gửi HĐND xã, 01 bản lưu vào hồ sơ./.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN



CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Văn Huyền

KẾ TOÁN NS

Trương Thị Vinh



ỦY BAN TTQ XÃ

Trần Trọng Dũng



PHỤ LỤC SỐ 01
CÁN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

Đơn vị tính: Ngàn đồng			
Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
<u>TỔNG SỐ THU</u>	<u>133.218.686</u>	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	<u>133.218.686</u>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.069.991	I. Chi đầu tư phát triển	35.643.344
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2.777.194	II. Chi thường xuyên	96.455.766
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	128.122.218	III. Tạo nguồn CC tiền lương	488.576
- Bổ sung cân đối	22.712.000	IV. Chi thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu, chuyển nguồn	
- Bổ sung có mục tiêu	105.410.218	V. Dự phòng ngân sách	451.000
IV. Thu chuyển nguồn	1.249.283	VI. Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	180.000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



Mẫu số: 104/CKTC-NS

PHỤ LỤC SỐ 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

Đơn vị : Ngàn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		NSNN	Xã hưởng	
	Tổng số thu	156.093.725	133.218.686	
I	Các khoản thu 100%	849.405	849.405	
-	Phí, lệ phí	112.000	112.000	
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	49.000	49.000	
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
-	Đóng góp của nhân dân			
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
-	Thu khác..	688.405	688.405	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	25.872.819	2.997.780	
1	Các khoản thu phân chia	3.140.186	555.406	
-	Thuế phi nông nghiệp	147.586	147.586	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			
-	Lệ phí trước bạ nhà ,đất	2.992.600	407.820	
2	Các khoản thu phân khác do cấp tỉnh quy định	22.732.633	2.442.374	
-	Thuế cấp quyền sử dụng đất	20.042.146	2.004.215	
-	Tiền thuê đất	190.038	57.011	
-	Thuế GTGT hộ cá thể	300.261	178.099	
-	Thuế GTGT DN - HTX	780.188	203.049	
-	Thuế thu nhập cá nhân	1.420.000		
-	Thuế tài nguyên			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
IV	Thu chuyển nguồn			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	1.249.283	1.249.283	
VI	Thu bổ sung ngân sách từ ngân sách cấp trên	128.122.218	128.122.218	
-	Trợ cấp cân đối	22.712.000	22.712.000	
-	Bổ sung có mục tiêu	105.410.218	105.410.218	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.642.187
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	27.575.212
6.1	Quản lý nhà nước	23.200.832
6.2	Đảng cộng sản Việt Nam	2.862.204
6.3	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	1.502.246
6.8	Chi hỗ trợ khác	9.930
7	Chi An ninh - Quốc phòng	1.764.595
8	Chi khác ngân sách	400.000
9	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	668.576
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ	451.000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



PHỤ LỤC SỐ 03

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

Đơn vị : Ngàn đồng

Đơn vị : Ngân đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	ĐTPT	TX	Dự phòng
Tổng số chi		133.218.686	35.643.344	97.124.342	451.000
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.764.595		1.764.595	
-	Chi dân quân tự vệ	1.602.595		1.602.595	
-	Chi trật tự an toàn xã hội	162.000		162.000	
2	Chi giáo dục	65.119.000	6.008.000	59.111.000	
3	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	-			
4	Chi y tế	-			
5	Chi sự nghiệp VH, TT, thể thao, phát thanh	686.215	186.215	500.000	
-	Chi văn hóa, thông tin	385.000		385.000	
-	Chi phát thanh, truyền thanh	216.215	186.215	30.000	
-	Chi thể dục thể thao	85.000		85.000	
6	Chi bảo vệ môi trường	606.959		606.959	
7	Chi các hoạt động kinh tế	30.236.129	29.449.129	787.000	
-	Giao thông	21.777.584	21.490.885	286.699	
-	Nông - lâm - thủy lợi hải sản	8.338.545	7.958.244	380.301	
-	Thị chính	-			
-	Thương mại, du lịch	-			
-	Các hoạt động kinh tế khác	120.000		120.000	
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	27.575.212	0	27.575.212	
	trong đó: Quỹ lương				
8.1	Quản lý nhà nước	23.200.832		23.200.832	
+	Nhiệm vụ chi đã thực hiện trước 30/6	6.717.834		6.717.834	
+	Nhiệm vụ chi đã thực hiện sau 30/6	16.482.998		16.482.998	
8.2	Đảng cộng sản Việt Nam	2.862.204		2.862.204	
8.3	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	1.502.246		1.502.246	
8.8	Chi hỗ trợ khác (các hội)	9.930		9.930	
9	Chi cho công tác xã hội	5.711.000	-	5.711.000	
-	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	865.372		865.372	
-	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	-			
-	Trợ cấp xã hội khác	103.000		103.000	
-	Khác	4.742.628		4.742.628	
0	Chi khác	400.000		400.000	
1	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	668.576		668.576	
2	Dự phòng	451.000			451.000
		-			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



PHỤ LỤC SỐ 04
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
TỔNG THU NSNN (A + B)		156.093.725
A	Thu trên địa bàn	26.722.224
	<i>Trong đó: Ngân sách cấp xã hưởng</i>	3.847.185
1	Thu từ khu vực Ngoài Quốc doanh	1.080.449
-	Thuế VAT - TNDN	1.080.449
+	Doanh nghiệp, hợp tác xã	780.188
+	Hộ cá thể	300.261
-	Thuê tài nguyên	
2	Lệ phí trước bạ	2.992.600
3	Phí, lệ phí	53.000
-	Lệ phí Môn bài	1.000
-	Phí xã thu	52.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147.586
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.420.000
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	190.038
7	Tiền sử dụng đất (Trong đó: Tiền miễn để an phát triển quy định tỷ)	20.042.146
8	Thu tại xã	688.405
9	Thu hoa lợi công sản	49.000
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	128.122.218
C	Thu chuyển nguồn, kết dư NS	1.249.283
TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (I + II + III)		133.218.686
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	35.633.354
1	Tiền sử dụng đất	2.004.215
2	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu	33.629.139
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	97.124.342
1	Chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính	30.236.129
	- SN nông, lâm nghiệp, thủy lợi	8.338.545
	- SN giao thông	21.777.584
	- Kiến thiết thị chính	
	- SN kinh tế khác	120.000
2	Sự nghiệp môi trường	606.959.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục	65.119.000
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền thanh	686.215
	- Chi SN phát thanh, truyền thanh	216.215
	- Chi SN văn hóa - Thông tin	385.000
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	85.000
5	Chi đảm bảo xã hội	5.711.000



Mẫu số: 107/CKTC-NS

PHỤ LỤC SỐ 05
DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

(Đơn vị tính: Ngàn đồng)

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó t/toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn CDNS	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		7.707.049			2.482.829	2.648.467	-	2.648.467	
I. Công trình bố trí nguồn tiền đất									
Dường GTNT thôn Bắc Đình năm 2024	2024	440.710			252.339	140.000		140.000	
Dường GTNT xã Thạch Trị năm 2022	2024	1.748.576			1.306.030	354.000		354.000	
Dường GTNT thôn Bình Dương xã Thạch Hội	2024	423.556			85.545	17.075		17.075	
Dường GTNT thôn Thái Yên xã Thạch Hội	2024	434.716			80.361	24.962		24.962	
Dường GTNT thôn Liên Quý xã Thạch Hội	2023	435.731			92.554	13.016		13.016	
Dường GTNT thôn Hội Tiến xã Thạch Hội	2023	448.919			-	27.714		27.714	
Kiến cổ hóa Kênh mương thôn Thái yên xã Thạch Hội năm 2024	2024	125.449				118.766		118.766	
Sửa chữa, nâng cấp sân bóng chuyền, tiểu công viên thôn Nam Vãn, xã Thạch Vãn	2024	499.463			381.000	79.000		79.000	
Mương thoát nước thôn Bắc Vãn xã Thạch Vãn -	2023	49.929			285.000	23.934		23.934	
Dường GTNT, GT nội đồng, rãnh thoát nước các thôn xã Đồng Tiến năm 2025	2025	1.800.000				850.000		850.000	
Năng cấp, cải tạo các trường học xã Đồng Tiến	2025	1.300.000				1.000.000		1.000.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



PHỤ LỤC SỐ 05A

DU TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Công trình bổ sung nguồn mục tiêu			
1	Nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Thạch Hội - Chương 800 - 7772907	75.383.000	75.383.000	
2	Hệ thống chiếu sáng đường trục chính xã Thạch Hội - Chương 800 - 7773178	125.723.000	125.723.000	
3	Trụ sở UBND xã Thạch Hội, hạng mục nâng cấp hàng rào UBND xã Thạch Hội - Chương 800 - 7789275	206.259.000	206.259.000	
4	Kênh mương nội đồng xã Thạch Hội - Chương 800 - 7820296	422.421.000	422.421.000	
5	Cải tạo nâng cấp vỉa hè công trường THCS Thạch Hội - Chương 800 - 7835780	44.004.000	44.004.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Thai Yên đến Bình Dương xã Thạch Hội - Chương 800 - 7853197	17.287.000	17.287.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Liên Phố đến Bình Dương xã Thạch Hội - Chương 800 - 7853198	50.087.000	50.087.000	
8	Hạ tầng khu dân cư vùng Ngõ Kiều thôn Nam Thai và Hạ tầng khu dân cư vùng Đồng Bàng thôn Liên Quý xã Thạch Hội - Chương 800 - 7855995	28.259.000	28.259.000	
9	Cải tạo nâng cấp vỉa hè công UBND Thạch Hội - Chương 800 - 7883802	626.482.000	626.482.000	
10	Đường trục thôn liên thôn xã Thạch Hội - Chương 800 - 7883803	185.772.000	185.772.000	
11	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên Trụ Sở UBND xã Thạch Hội - Chương 800 - 7883806	50.115.000	50.115.000	
12	Cải tạo nâng cấp đường giao thông trục chính thôn Bắc Thai và thôn Hội Tiến, xã Thạch Hội - Chương 800 - 7883807	91.232.000	91.232.000	
13	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Thạch Hội - Chương 800 - 7915635	13.509.000	13.509.000	
14	Nâng cấp sửa chữa nhà học 2 tầng 6 phòng, 2 dãy nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Thạch Hội - Chương 800 - 7927750	147.761.000	147.761.000	
15	Kiên cố hóa kênh mương xã Thạch Hội năm 2021 - Chương 800 - 7943705	545.080.000	545.080.000	
16	Nâng cấp mặt đường giao thông nông thôn xã Thạch Hội - Chương 800 - 7970376	1.511.429.000	1.511.429.000	
17	Đường vào khu nghĩa trang xã Thạch Hội - Chương 800 - 7970377	353.684.000	353.684.000	
18	Mở rộng đường GTNT xã Thạch Hội năm 2022 - Chương 800 - 7986302	100.000.000	100.000.000	
19	Nâng cấp vỉa hè từ nhà Anh Tĩnh đến sân bóng thôn Liên Quý xã Thạch Hội - Chương 800 - 7992413	439.880.000	439.880.000	



20	Xây dựng hệ thống an toàn giao thông xã Thạch Hội; Hạng mục: Sơn giảm tốc, phân làn và biển báo - Chương 800 - 7992607	157.453.000	157.453.000	
21	Điện chiếu sáng từ quốc lộ 15B đến khu dân cư mẫu thôn Hội Tiến xã Thạch Hội - Chương 800 - 7992608	23.798.000	23.798.000	
22	Đường GTNT xã Thạch Hội đợt 2 năm 2022; hạng mục đường BTXM dài 4.984m - Chương 800 - 8011044	231.996.000	231.996.000	
23	Xây dựng tuyến kênh tưới từ kênh N9-9 đến xứ đồng Bền Nương thôn Liên Mỹ, xã Thạch Hội - Chương 800 - 8034512	165.882.000	165.882.000	
24	Phục hồi, nâng cấp mặt đường giao thông nông thôn xã Thạch Hội - Chương 800 - 8034964	1.376.472.000	1.376.472.000	
25	Nhà học 3 tầng 12 phòng trường TH và THCS Thạch Hội, huyện Thạch Hà - Chương 800 - 8043577	6.679.586.000	6.679.586.000	
26	Kiên cố hóa kênh mương thôn Liên Phổ xã Thạch Hội năm 2023 - Chương 800 - 8072096	84.460.000	84.460.000	
27	Kiên cố hóa kênh mương thôn Thai Yên xã Thạch Hội năm 2023 - Chương 800 - 8072098	73.016.000	73.016.000	
28	Kiên cố hóa kênh mương thôn Liên Quý xã Thạch Hội năm 2023 - Chương 800 - 8072107	54.132.000	54.132.000	
29	Đổ cấp phối đường giao thông nội đồng xã Thạch Hội - Chương 800 - 8074665	205.710.000	205.710.000	
30	Xây dựng hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT - VT tại xã Thạch Hội - Chương 800 - 8098800	459.636.000	459.636.000	
31	Nâng cấp mặt đường GTNT xã Thạch Hội năm 2024 (Carboncor Asphalt) - Chương 800 - 8105724	1.269.653.000	1.269.653.000	
37	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường tiểu học xã Thạch Văn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	25.000.000	25.000.000	
38	Bãi trung chuyển rác xã Thạch Văn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	147.466.000	147.466.000	
39	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường trục chính đoạn từ cổng chào xã Thạch Văn đến nhà ông Ảnh	150.000.000	150.000.000	
40	Tuyến mương tiêu úng xã Thạch Văn	1.002.000.000	1.002.000.000	
41	Đường giao thông nội đồng thôn Nam Văn đi Bắc Văn xã Thạch Văn	831.000.000	831.000.000	
42	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ đường HL3 đến đường QL 15B, xã Thạch Văn	300.115.000	300.115.000	
43	Nâng cấp tuyến đường trục thôn từ thôn Bắc Văn đến đường 19/5 xã Thạch Văn, huyện Thạch Hà; Hạng mục: Nền, móng, mặt đường	343.952.000	343.952.000	
44	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ đường QL15B đến nhà ông Quý thôn Tân Văn xã Thạch Văn	845.408.000	845.408.000	
45	Đường giao thông nội đồng thôn Bắc Văn đi Nam Văn (hạng mục: nối thêm tuyến và làm mười cổng bản L=5,0m)	392.000.000	392.000.000	

46	Hệ thống biển báo, vạch kẻ đường giao thông xã Thạch Văn	197.000.000	197.000.000	
47	Nâng cấp đường trục thôn từ quán ông Cường đi QL 15B Thôn Tân Văn	318.000.000	318.000.000	
48	Mương thoát nước thôn Bắc Văn xã Thạch Văn -	23.934.000	23.934.000	
49	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Tân Văn xã Thạch Văn	317.880.000	317.880.000	
50	Sửa chữa, nâng cấp sân bóng chuyền, tiểu công viên thôn Nam Văn, xã Thạch Văn	100.000.000	100.000.000	
51	Xây dựng đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông xã Thạch Văn	239.122.000	239.122.000	
52	Đường GTNT thôn Tân Văn xã Thạch Văn năm 2024	60.000.000	60.000.000	
53	Đường GTNT thôn Trung Văn xã Thạch Văn năm 2024	55.000.000	55.000.000	
54	Đường GTNT thôn Bắc Văn xã Thạch Văn năm 2024	45.000.000	45.000.000	
55	Đường GTNT thôn Đông Văn đợt 2 xã Thạch Văn năm 2024	145.000.000	145.000.000	
56	Đường GTNT thôn Đông Văn đợt 1 xã Thạch Văn năm 2024	95.000.000	95.000.000	
57	Nâng cấp đường trục xã (đoạn từ QL 15B đi Thạch Hội), xã Thạch Văn	2.001.000.000	2.001.000.000	
58	Nâng cấp xây dựng cầu qua kênh N9 xã Thạch Văn	353.000.000	353.000.000	
59	Cải tạo, làm mới một số hạng mục tại trường Tiểu học xã Thạch	652.733.000	652.733.000	
60	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thôn Nam Văn xã Thạch Văn	1.523.547.000	1.523.547.000	
61	Hạ tầng mô hình SX rau an toàn vùng Trầm Bắc Dinh, thôn Bắc Dinh xã Thạch Trị	136.000.000	136.000.000	
62	Hội quán xóm Bắc Trị	45.800.000	45.800.000	
63	Nhà văn hóa thôn Đông Khánh	74.600.000	74.600.000	
64	Nhà văn hóa thôn Hồng Dinh (Nhà VH, hàng rào, cổng)	61.000.000	61.000.000	
65	Nhà văn hóa thôn Toàn Thắng	302.069.000	302.069.000	
66	Nhà văn hóa thôn Đại Tiến	199.000.000	199.000.000	
67	Hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc	285.106.000	285.106.000	
68	Nâng cấp cống qua Kênh N9 đi vào thôn Bắc Dinh	30.000.000	30.000.000	
69	Nâng cấp vỉa hè khu vực sân bóng và UBND xã Thạch Trị	152.577.000	152.577.000	
70	Nâng cấp vỉa hè tuyến từ QL 15B đến Trường Tiểu học xã Thạch Trị	417.505.000	417.505.000	
71	Mở rộng vỉa hè tuyến từ QL 15B đến Trường Tiểu học xã Thạch Trị	27.258.000	27.258.000	
72	Mương thoát nước khu dân cư thôn Đông Khánh, thôn Bắc Dinh xã Thạch Trị	40.000.000	40.000.000	
73	Nâng cấp mặt đường Cacboncor Aplast các tuyến đường GT thôn Hồng Dinh, Đại Tiến và Đông Khánh xã Thạch trị	200.119.000	200.119.000	
74	Cổng, hàng rào, thu viện xanh trường Tiểu học xã Thạch Trị	21.000.000	21.000.000	
75	Đường GTNT xã Thạch Trị năm 2022	1.050.000.000	1.050.000.000	
76	Đầu tư XD công trình cấp nước sạch sinh hoạt các hộ dân thôn Đại Tiến xã Thạch Trị	197.550.000	197.550.000	
77	Nâng cấp 02 tuyến đường GT nội đồng thôn Trần Phú đến QL 15B xã Thạch Trị	48.000.000	48.000.000	

78	Nâng mặt đường Cacboncor Asphalt các tuyến đường giao thông thôn Đại Tiến và thôn Toàn Thắng xã Thạch Trị	50.832.000	50.832.000	
79	Nâng cấp vỉa hè và cầu vào Đền Cả xã Thạch Trị	47.000.000	47.000.000	
80	Xây dựng mương thoát nước xã Thạch Trị	40.000.000	40.000.000	
81	Nâng cấp vỉa hè xã Thạch Trị (Tuyển vào UBND xã và tuyển từ Mần non đi nghĩa trang)	141.616.000	141.616.000	
82	Đường GTNT thôn Trần Phú xã Thạch Trị năm 2023	297.226.000	297.226.000	
83	Công trình xây dựng Đài truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông xã Thạch Trị	15.263.000	15.263.000	
84	Mở rộng đường GTNT thôn Toàn Thắng xã Thạch Trị	294.883.000	294.883.000	
85	Nâng mặt đường Caboncor Asphalt các thôn Bắc Trị	1.165.956.000	1.165.956.000	
86	và thôn Toàn Thắng xã Thạch Trị	110.056.000	110.056.000	
87	Đường GTNT thôn Đại Tiến xã Thạch Trị năm 2024	320.000.000	320.000.000	
88	Cải tạo sân vận động và sơn hàng rào UBND xã Thạch Trị	63.000.000	63.000.000	
89	Đường GTNT thôn Bắc Dinh xã Thạch Trị năm 2024	350.000.000	350.000.000	
90	Đường GTNT thôn Trần Phú xã Thạch Trị năm 2024	255.403.000	255.403.000	
91	Đường GTNT thôn Bắc Trị xã Thạch Trị năm 2024	100.000.000	100.000.000	
92	Lập quy hoạch tổng thể MB sử dụng đất vùng 19/5 thôn Toàn Thắng	154.000.000	154.000.000	
93	Sửa chữa, nâng cấp cống tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất tại xã Thạch Trị	445.000.000	445.000.000	
94	Xây dựng bó lè đường GTNT xã Thạch Trị	250.000.000	250.000.000	
95	Xây dựng mương thoát nước xã Thạch Trị	40.000.000	40.000.000	
96	Nạo vét kênh mương nội đồng tuyển từ thôn Bắc Dinh đi vùng Am thôn Trần Phú xã Thạch Trị năm 2025	140.000.000	140.000.000	
98	Mương thoát nước dân cư thôn Trần Phú xã Thạch Trị	205.710.000	205.710.000	

THẠCH TRỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TIỀN

Mẫu số: 108/CKTC-NS

PHỤ LỤC SỐ 06

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
		Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	
Tổng số		236.500	236.500		
	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách	236.500	236.500		
-	Quỹ phòng chống thiên tai	48.500	48.500		
-	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	110.000	110.000		
-	Quỹ BVTE	78.000	78.000		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



PHỤ LỤC SỐ 07
PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Dự toán đã được HĐND xã xem xét quyết định

(Đơn vị tính: Ngàn đồng)

Chương	Loại	Khoản	Mã nguồn	Diễn giải	Dự toán
				I. Nguồn tự chủ	58.937.938
830	340	341	13	Văn phòng HĐND - UBND xã	6.408.630
819	340	351	13	Văn phòng Đảng ủy	1.473.864
820	340	361	13	Ủy ban MTTQ xã	821.026
822	070	071	13	Trường MN Thạch Trị	4.981.968
822	070	071	13	Trường MN Thạch Văn	4.394.762
822	070	071	13	Trường MN Thạch Hội	4.478.314
822	070	072	13	Trường Tiểu học Thạch Trị	5.897.708
822	070	072	13	Trường Tiểu học Thạch Văn	5.787.200
822	070	072	13	Trường Tiểu học và THCS Thạch Hội	11.707.514
822	070	073	13	Trường THCS Đồng Tiến	12.986.952
				II. Nguồn không tự chủ	37.527.818
830	340	341	12	Văn phòng HĐND - UBND xã	32.018.569
			18		438.665
819	340	351	12	Văn phòng Đảng ủy	1.294.664
			18		145.314
820	340	361	12	Ủy ban MTTQ xã	205.000
			18		76.041
822	070	071	12	Trường MN Thạch Trị	70.130
			18		241.000
822	070	071	12	Trường MN Thạch Văn	64.090
			18		215.000
822	070	071	12	Trường MN Thạch Hội	110.980
			18		218.000
822	070	072	12	Trường Tiểu học Thạch Trị	99.850
			18		264.000
822	070	072	12	Trường Tiểu học Thạch Văn	129.000
			18		267.000
822	070	072	12	Trường Tiểu học và THCS Thạch Hội	306.953
			18		550.610
822	070	073	13	Trường THCS Đồng Tiến	197.242
			18		615.710
				III. Dự phòng	451.000
				IV. Chi đầu tư phát triển	35.633.354

				V.Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	668.576
				Tổng cộng	133.218.686

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ